

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
1	K09.106.8000	Lê Đức Trường	K09XDC1	7					5			6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
2	131328419	Nguyễn Sỹ Mạnh	K13KCD3	0					7			8.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
3	132320524	Huỳnh Như Quỳnh	T14KDN1	10					6			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
4	132320751	Bùi Thị Phương	T14KDN1	0					0			V	V	Vắng	
5	132320793	Đinh Lê Cẩm Thạch	T14KDN1	0					0			V	V	Vắng	
6	142310373	Trần Thị Mỹ Dung	T14KDN1	3					7			10	7.3	Bảy phẩy Ba	
7	142310374	Nguyễn Trung Dũng	T14KDN1	3					9			6.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
8	142310380	Nguyễn Phước Hải	T14KDN1	3					9			6.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
9	142310447	Nguyễn Thị Kiều Xoa	T14KDN1	10					7			6.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
10	142320455	Nguyễn Thị Ánh	T14KDN1	10					7			4.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
11	142320459	Tào Văn Chính	T14KDN1	10					7			5.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
12	142320463	Trần Văn Cường	T14KDN1	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
13	142320464	Trần Ngọc Điềm	T14KDN1	10					10			8.0	9.0	Chín	
14	142320467	Lê Thị Thùy Dung	T14KDN1	7					8			10	8.7	Tám phẩy Bảy	
15	142320471	Trần Thị Phú Duyên	T14KDN1	7					6			5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
16	142320480	Đậu Thị Hằng	T14KDN1	7					10			9.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
17	142320487	Lê Thị Thu Hiền	T14KDN1	10					6			8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
18	142320488	Nguyễn Thị Minh Hiền	T14KDN1	7					6			8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
19	142320489	Trần Thị Hiền	T14KDN1	7					9			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
20	142320496	Đặng Thị Hoa	T14KDN1	10					8			9.0	9.1	Chín phẩy Một	
21	142320499	Nguyễn Thị Hòa	T14KDN1	10					10			5.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
22	142320502	Nguyễn Thị Minh Hồng	T14KDN1	10					10			9.0	9.5	Chín phẩy Năm	
23	142320508	Dương Thị Thu Hương	T14KDN1	10					9			6.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
24	142320513	Nguyễn Thị Thương Huyền	T14KDN1	3					6			7.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
25	142320517	Nguyễn Thị Minh Kiều	T14KDN1	10					7			9.0	8.9	Tám phẩy Chín	
26	142320518	Trịnh Thị Kiều	T14KDN1	10					10			9.0	9.5	Chín phẩy Năm	
27	142320522	Lê Thị Ngọc Lan	T14KDN1	10					7			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
28	142320523	Ngô Thị Lan	T14KDN1	10					7			9.0	8.9	Tám phẩy Chín	
29	142320526	Trịnh Thị Liên	T14KDN1	7					7			9.0	8.0	Tám	
30	142320527	Võ Thị Bích Liên	T14KDN1	7					6			10	8.3	Tám phẩy Ba	
31	142320537	Đặng Thị Mai	T14KDN1	10					7			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
32	142320542	Lê Thị Lê My	T14KDN1	10					6			9.0	8.7	Tám phẩy Bảy	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
33	142320544	Võ Thị Lê Mỹ	T14KDN1	7					10			10	9.1	Chín phẩy Một	
34	142320549	Nguyễn Vũ Huyền Nga	T14KDN1	7					7			8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
35	142320557	Huỳnh Thụy Ánh Nguyệt	T14KDN1	10					7			10	9.4	Chín phẩy Bốn	
36	142320558	Trần Thị Thanh Nhân	T14KDN1	7					5			6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
37	142320564	Nguyễn Thị Nở	T14KDN1	10					7			9.0	8.9	Tám phẩy Chín	
38	142320567	Lâm Xuân Phúc	T14KDN1	7					7			8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
39	142320569	Trần Trung Phương	T14KDN1	10					9			10	9.8	Chín phẩy Tám	
40	142320576	Trần Đăng Quân	T14KDN1	3					8			10	7.5	Bảy phẩy Năm	
41	142320583	Đặng Thị Sen	T14KDN1	7					7			5.0	6.0	Sáu	
42	142320585	Trần Thị Hoàng Sơn	T14KDN1	10					10			9.0	9.5	Chín phẩy Năm	
43	142320597	Nguyễn Thị Thảo	T14KDN1	10					10			9.0	9.5	Chín phẩy Năm	
44	142320608	Phạm Thị Thanh Thúy	T14KDN1	7					10			5.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
45	142320609	Phan Thị Thanh Thúy	T14KDN1	10					5			5.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
46	142320611	Phạm Thị Thanh Thúy	T14KDN1	10					10			10	10.0	Mười	
47	142320615	Ngô Thị Vân Thủy	T14KDN1	10					10			9.0	9.5	Chín phẩy Năm	
48	142320619	Phan Thương Tình	T14KDN1	3					7			9.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
49	142320625	Nguyễn Thị Huyền Trang	T14KDN1	10					7			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
50	142320630	Nguyễn Thị Thùy Trang	T14KDN1	7					7			6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
51	142320635	Lê Thị Thu Trinh	T14KDN1	3					10			7.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
52	142320643	Lê Thị Hải Vân	T14KDN1	7					10			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
53	142320646	Nguyễn Thị Tường Vi	T14KDN1	7					6			9.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
54	142320650	Lê Thị Hoàng Yên	T14KDN1	3					10			7.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
55	142310361	Nguyễn Thị Bé	T14KDN2	1					8			6.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
56	142320450	Lê Văn An	T14KDN2	3					7			8.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
57	142320452	Mai Thị Kim Anh	T14KDN2	0					7			0.0	1.4	Một phẩy Bốn	
58	142320456	Đỗ Dương Bích Hằng	T14KDN2	2					10			4.0	4.6	Bốn phẩy Sáu	
59	142320460	Huỳnh Thị Mỹ Chung	T14KDN2	3					8			4.0	4.5	Bốn phẩy Năm	
60	142320468	Lê Thị Dung	T14KDN2	2					10			6.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
61	142320472	Hồ Thị Duyên	T14KDN2	2					7			4.0	4.0	Bốn	
62	142320473	Vũ Hương Giang	T14KDN2	3					7			4.0	4.3	Bốn phẩy Ba	
63	142320477	Nguyễn Thị Khánh Hạ	T14KDN2	3					8			4.0	4.5	Bốn phẩy Năm	
64	142320481	Nguyễn Thị Hằng	T14KDN2	2					10			6.0	5.6	Năm phẩy Sáu	

Thời gian : -

HỌC KỲ : 3
LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
65	142320484	Trịnh Thị Hạnh	T14KDN2	2					10			4.0	4.6	Bốn phẩy Sáu	
66	142320485	Phạm Thị Khánh	T14KDN2	2					7			10	7.0	Bảy	
67	142320492	Vũ Thị Hiếu	T14KDN2	3					10			6.0	5.9	Năm phẩy Chín	
68	142320500	Nguyễn Thị Hòa	T14KDN2	3					10			4.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
69	142320504	Lê Thị Huệ	T14KDN2	2					10			4.0	4.6	Bốn phẩy Sáu	
70	142320505	Nguyễn Thị Thanh	T14KDN2	3					10			4.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
71	142320509	Nguyễn Thị Thanh	T14KDN2	1					7			4.0	3.7	Ba phẩy Bảy	
72	142320514	Nguyễn Đình Khanh	T14KDN2	0					4			4.0	2.8	Hai phẩy Tám	
73	142320520	Phan Thanh Lâm	T14KDN2	1					4			6.0	4.1	Bốn phẩy Một	
74	142320521	Phan Thị Lan	T14KDN2	3					9			4.0	4.7	Bốn phẩy Bảy	
75	142320524	Nguyễn Thị Mai	T14KDN2	1					10			10	7.3	Bảy phẩy Ba	
76	142320528	Võ Thị Bích Loan	T14KDN2	2					10			2.0	3.6	Ba phẩy Sáu	
77	142320534	Hoàng Thị Lương	T14KDN2	3					9			4.0	4.7	Bốn phẩy Bảy	
78	142320538	Võ Thị Hòa	T14KDN2	3					7			0.0	2.3	Hai phẩy Ba	
79	142320540	Hoàng Văn Mùi	T14KDN2	0					6			0.0	1.2	Một phẩy Hai	
80	142320545	Nguyễn Hữu Mỹ	T14KDN2	0					6			4.0	3.2	Ba phẩy Hai	
81	142320551	Huỳnh Thị Thu	T14KDN2	3					8			4.0	4.5	Bốn phẩy Năm	
82	142320559	Nguyễn Thị Thành	T14KDN2	1					10			P	P	Nợ HP	
83	142320560	Nguyễn Thị Vỹ	T14KDN2	3					8			4.0	4.5	Bốn phẩy Năm	
84	142320566	Mạc Thị Hoàng Oanh	T14KDN2	2					9			6.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
85	142320570	Lê Thị Lan	T14KDN2	3					10			8.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
86	142320571	Trần Thị Hoài	T14KDN2	2					9			4.0	4.4	Bốn phẩy Bốn	
87	142320573	Thái Thị Thảo	T14KDN2	1					6			6.0	4.5	Bốn phẩy Năm	
88	142320578	Nguyễn Thị Hiền	T14KDN2	1					6			2.0	2.5	Hai phẩy Năm	
89	142320584	Bùi Thị Soạn	T14KDN2	1					10			0.0	2.3	Hai phẩy Ba	
90	142320589	Võ Thị Thắm	T14KDN2	3					10			4.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
91	142320590	Nguyễn Thị Thắng	T14KDN2	2					7			4.0	4.0	Bốn	
92	142320591	Lê Thị Hoài	T14KDN2	3					10			4.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
93	142320592	Phạm Thị Phương	T14KDN2	3					10			8.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
94	142320601	Đặng Thị Mai	T14KDN2	0					10			P	P	Nợ HP	
95	142320602	Bùi Long Thi	T14KDN2	1					8			4.0	3.9	Ba phẩy Chín	
96	142320612	Cao Thị Thùy	T14KDN2	0					8			4.0	3.6	Ba phẩy Sáu	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
97	142320616	Nguyễn Thị Thu Thủy	T14KDN2	2					10			4.0	4.6	Bốn phẩy Sáu	
98	142320620	Dư Thị An	T14KDN2	2					7			2.0	3.0	Ba	
99	142320623	Hồ Thương	T14KDN2	2					6			8.0	5.8	Năm phẩy Tám	
100	142320631	Nguyễn Thị Huyền Trang	T14KDN2	0					6			0.0	1.2	Một phẩy Hai	
101	142320636	Nguyễn Thị Thanh Tú	T14KDN2	3					6			4.0	4.1	Bốn phẩy Một	
102	142320639	Nguyễn Thị Oánh	T14KDN2	2					10			4.0	4.6	Bốn phẩy Sáu	
103	142320640	Khương Thị Ty	T14KDN2	2					9			4.0	4.4	Bốn phẩy Bốn	
104	142320644	Trương Thị Ái Vân	T14KDN2	2					8			4.0	4.2	Bốn phẩy Hai	
105	142320651	Lâm Thị Hoàng Yến	T14KDN2	0					8			0.0	1.6	Một phẩy Sáu	
106	142320892	Đinh Thị Hương	T14KDN2	0					9		P	P	Nợ HP		
107	132320713	Phạm Thị Kim Nguyệt	T14KDN3	7					7			8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
108	142320453	Hồ Thị Lan Anh	T14KDN3	10					6			8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
109	142320461	Phan Thị Kim Cúc	T14KDN3	10					9			7.0	8.3	Tám phẩy Ba	
110	142320465	Trần Thị Ngọc Diệp	T14KDN3	3					7			6.0	5.3	Năm phẩy Ba	
111	142320469	Lê Kim Dung	T14KDN3	10					8			8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
112	142320474	Trần Đình Hà	T14KDN3	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
113	142320478	Nguyễn Minh Hải	T14KDN3	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
114	142320479	Võ Doãn Hải	T14KDN3	10					7			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
115	142320482	Nguyễn Thị Thanh Hằng	T14KDN3	10					10			7.0	8.5	Tám phẩy Năm	
116	142320494	Phan Thị Hoa	T14KDN3	7					8			4.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
117	142320495	Nguyễn Thị Hoa	T14KDN3	7					6			4.0	5.3	Năm phẩy Ba	
118	142320506	Lê Văn Hùng	T14KDN3	10					7		P	P	Nợ HP		
119	142320510	Nguyễn Thị Hường	T14KDN3	3					8			6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
120	142320511	Nguyễn Xuân Hữu	T14KDN3	0					5			2.0	2.0	Hai	
121	142320515	Nguyễn Đăng Khôi	T14KDN3	7					8			10	8.7	Tám phẩy Bảy	
122	142320519	Phạm Thị Kiều	T14KDN3	3					7			6.0	5.3	Năm phẩy Ba	
123	142320525	Nguyễn Thị Lan	T14KDN3	7					7			4.0	5.5	Năm phẩy Năm	
124	142320530	Nguyễn Thị Xuân Lộc	T14KDN3	7					7			8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
125	142320535	Nguyễn Thị Lý	T14KDN3	5					8			4.0	5.1	Năm phẩy Một	
126	142320553	Từ Thị Nghĩa	T14KDN3	10					7			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
127	142320555	Ngô Thị Thanh Ngọc	T14KDN3	10					6			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
128	142320556	Đoàn Thái Nguyên	T14KDN3	0					6			8.0	5.2	Năm phẩy Hai	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
129	142320561	Lê Thị Mỹ Nhung	T14KDN3	10					8			8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
130	142320562	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	T14KDN3	10					7			4.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
131	142320572	Trần Lan Phương	T14KDN3	10					8			8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
132	142320574	Mai Thị Phương	T14KDN3	3					7			6.0	5.3	Năm phẩy Ba	
133	142320577	Nguyễn Thị Quế	T14KDN3	3					7			8.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
134	142320580	Nguyễn Thị Nhật Quỳnh	T14KDN3	7					6			4.0	5.3	Năm phẩy Ba	
135	142320581	Phan Trần Hạ Sang	T14KDN3	10					6			8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
136	142320587	Phạm Hồng Thái	T14KDN3	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
137	142320588	Bùi Thị Hồng Thắm	T14KDN3	10					5			4.0	6.0	Sáu	
138	142320595	Đào Thị Thảo	T14KDN3	7					10			4.0	6.1	Sáu phẩy Một	
139	142320599	Võ Thị Bích Thảo	T14KDN3	10					6			4.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
140	142320606	Nguyễn Thị Thương	T14KDN3	7					6			4.0	5.3	Năm phẩy Ba	
141	142320617	Lê Thị Thủy	T14KDN3	10					9			7.0	8.3	Tám phẩy Ba	
142	142320622	Phạm Thị Thùy Trâm	T14KDN3	10					7			4.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
143	142320628	Vũ Thị Trang	T14KDN3	7					8			8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
144	142320632	Nguyễn Thị Hoài Trang	T14KDN3	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
145	142320637	Phan Thị Tuyết	T14KDN3	7					7			8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
146	142320647	Đào Nguyễn Minh Vũ	T14KDN3	0					6			6.0	4.2	Bốn phẩy Hai	
147	142320895	Nguyễn Thị Thanh Nga	T14KDN3	7					7			8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
148	142310359	Nguyễn Thị Hà Anh	T14KDN4	0					6			8.0	5.2	Năm phẩy Hai	
149	142310360	Thái Thị Hồng Ánh	T14KDN4	8					8			10	9.0	Chín	
150	142310376	Nguyễn Thị Hà	T14KDN4	7					7			8.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
151	142310417	Nguyễn Kim Quang	T14KDN4	10					8			10	9.6	Chín phẩy Sáu	
152	142320454	Phạm Thị Kim Anh	T14KDN4	10					8			10	9.6	Chín phẩy Sáu	
153	142320458	Phạm Thị Kim Chi	T14KDN4	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
154	142320462	Nguyễn Thị Kim Cương	T14KDN4	7					8			10	8.7	Tám phẩy Bảy	
155	142320466	Phan Thị Dung	T14KDN4	0					8			10	6.6	Sáu phẩy Sáu	
156	142320470	Phan Thị Thùy Dương	T14KDN4	10					5			6.0	7.0	Bảy	
157	142320475	Đoàn Phương Hà	T14KDN4	0					5			4.0	3.0	Ba	
158	142320483	Nguyễn Thị Thuý Hằng	T14KDN4	10					4			8.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
159	142320490	Nguyễn Thị Hiền	T14KDN4	10					7			8.0	8.4	Tám phẩy Bốn	
160	142320491	Nguyễn Thị Thu Hiền	T14KDN4	7					8			10	8.7	Tám phẩy Bảy	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
161	142320497	Lê Thị Bảo Hòa	T14KDN4	0					7			0.0	1.4	Một phẩy Bốn	
162	142320498	Lê Thị Thanh Hòa	T14KDN4	7					10			2.0	5.1	Năm phẩy Một	
163	142320503	Nguyễn Lưu Vũ	T14KDN4	5					5			4.0	4.5	Bốn phẩy Năm	
164	142320507	Trần Thị Mỹ Hương	T14KDN4	10					5			10	9.0	Chín	
165	142320512	Nguyễn Quốc Huy	T14KDN4	0					7			6.0	4.4	Bốn phẩy Bốn	
166	142320516	Võ Trọng Kiên	T14KDN4	10					5			6.0	7.0	Bảy	
167	142320531	Nguyễn Xuân Lộc	T14KDN4	7					9			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
168	142320536	Cao Thị Lý	T14KDN4	10					5			6.0	7.0	Bảy	
169	142320541	Nguyễn Ngọc Sa My	T14KDN4	10					8			8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
170	142320543	Đào Thị Kiều Mỹ	T14KDN4	3					7			6.0	5.3	Năm phẩy Ba	
171	142320548	Phạm Thị Nga	T14KDN4	10					8			4.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
172	142320554	Nguyễn Thị Ái Nghĩa	T14KDN4	7					7			6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
173	142320563	Nguyễn Thị Như	T14KDN4	7					9			8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
174	142320568	Nguyễn Thị Phương	T14KDN4	7					10			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
175	142320575	Đặng Thị Kim Phương	T14KDN4	5					8			10	8.1	Tám phẩy Một	
176	142320582	Nguyễn Thị Sen	T14KDN4	10					9			4.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
177	142320586	Nguyễn Thị Tâm	T14KDN4	7					6			6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
178	142320593	Bùi Nhật Thành	T14KDN4	0					9			8.0	5.8	Năm phẩy Tám	
179	142320596	Nguyễn Thị Thu Thảo	T14KDN4	7					6			4.0	5.3	Năm phẩy Ba	
180	142320600	Đinh Thị Phương Thảo	T14KDN4	0					9			4.0	3.8	Ba phẩy Tám	
181	142320603	Huỳnh Thị Ngọc Thơ	T14KDN4	7					8			8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
182	142320605	Nguyễn Thị Thuận	T14KDN4	7					5			8.0	7.1	Bảy phẩy Một	
183	142320607	Hoàng Thị Thanh Thúy	T14KDN4	3					6			6.0	5.1	Năm phẩy Một	
184	142320614	Nguyễn Hồng Thủy	T14KDN4	5					8			6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
185	142320618	Dương Nguyễn Ngọc Tín	T14KDN4	7					6			8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
186	142320624	Võ Thị Thùy Trang	T14KDN4	8					6			4.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
187	142320627	Võ Thị Huyền Trang	T14KDN4	7					9			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
188	142320629	Phạm Thùy Trang	T14KDN4	0					5			8.0	5.0	Năm	
189	142320634	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	T14KDN4	3					7			0.0	2.3	Hai phẩy Ba	
190	142320638	Nguyễn Thị Tuyết	T14KDN4	3					8			6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
191	142320642	Huỳnh Thụy Thục Uyên	T14KDN4	0					7			8.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
192	142320648	Trần Quốc Hoàng Vương	T14KDN4	3					4			6.0	4.7	Bốn phẩy Bảy	

Thời gian : -

HỌC KỲ : 3

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				30					20			50	SỐ	CHỮ	
193	142320891	Lê Thị Kim	Bên	T14KDN4	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
194	142320901	Đào Thị	Thuỳ	T14KDN4	8					6			4.0	5.6	Năm phẩy Sáu